

**TUẦN 15**  
(Từ ngày 24/11 đến ngày 28/11/2014)

Thứ, ngày	Tiết	Môn	PPCT	Tên bài dạy
<b>Hai</b> <b>24/11</b>	1	Chào cờ	15	Chào cờ đầu tuần om-am (Tiết 1) om- am (Tiết 2)  Đi học đều và đúng giờ (Tiết 2)
	2	Học vần	129	
	3	Học vần	130	
	4	Thể dục	15	
	5	Đạo đức	15	
<b>Ba</b> <b>25/11</b>	1	Toán	57	Luyện tập ăm- âm (Tiết 1) ăm- âm (Tiết 2)
	2	Học vần	131	
	3	Học vần	132	
	4	Hát nhạc	15	
<b>Tư</b> <b>26/11</b>	1	Toán	58	Phép cộng trong phạm vi 10 ôm- om (Tiết 1) ôm- om (Tiết 2) Lớp học
	2	Học vần	133	
	3	Học vần	134	
	4	TNXH	15	
<b>Năm</b> <b>27/11</b>	1	Toán	59	Luyện tập em- êm (Tiết 1) em- êm (Tiết 2)  Gấp cái quạt
	2	Học vần	135	
	3	Học vần	136	
	4	Mĩ thuật	15	
	5	Thủ công	15	
<b>Sáu</b> <b>28/11</b>	1	Toán	60	Phép trừ trong phạm vi 10 Nhà trường, buôn làng, hiền lành... Đỏ thắm, mầm non, chôm chôm... Bài 8: Tập trung để học tốt (Tiết 1) Sh cuối tuần- HĐ ngoại khóa
	2	Tập viết	13	
	3	Tập viết	14	
	4	KNS	15	
	5	HĐTT	15	

Thứ hai, ngày 24 tháng 11 năm 2014

**Học vần**

Bài 60: **om- am**

**I. MỤC TIÊU:**

- Đọc được *om, am, làng xóm, rừng trầm*; từ và câu ứng dụng.
- Viết được *om, am, làng xóm, rừng trầm*.
- Luyện nói từ 2-3 câu theo chủ đề: *Nói lời cảm ơn*.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bộ ghép chữ Học vần.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<b>TIẾT 1</b>	
<p><b>I. Kiểm tra bài cũ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đánh bảng ôn, gọi 2 HS đọc lại bài cũ (GV chỉ vài vần cho HS đọc). 1 HS đọc 3 từ ứng dụng, 1 HS đọc câu thơ ứng dụng. GV nhận xét, ghi điểm cho HS.</li> <li>- Cho HS viết bảng con bình minh, nhà rông.</li> </ul> <p><b>II. Dạy bài mới:</b></p> <p><b>1. Giới thiệu bài:</b></p> <p><b>2. Dạy vần:</b></p> <p><b>* Vần om:</b></p> <p><b>a). Nhận diện vần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV viết bảng vần <b>om</b> và nói: Đây là vần <b>om</b>.</li> </ul> <p><b>b). Phát âm và đánh vần tiếng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS phân tích vần <b>om</b>.</li> <li>- GV yêu cầu HS ghép vần <b>om</b> trong bộ học vần.</li> <li>- GV phát âm mẫu và gọi HS phát âm vần <b>o – mờ - om - om</b>. GV chú ý chỉnh sửa phát âm cho HS.</li> <li>- GV yêu cầu HS ghép tiếng <b>xóm</b>.</li> <li>- GV nhận xét bài ghép của HS và viết bảng tiếng <b>xóm</b>.</li> <li>- GV cho HS phân tích tiếng <b>xóm</b> và đánh vần tiếng <b>xóm</b>.</li> <li>- GV đánh vần mẫu <b>xờ - om - xom - sắc - xóm - xóm</b>.</li> <li>- GV đưa tranh rút ra từ khóa <b>làng xóm</b>. Cho HS ghép từ khóa.</li> <li>- GV nhận xét bài ghép của HS và viết bảng từ khóa <b>làng xóm</b>.</li> <li>- Gọi HS phân tích và đọc từ khóa: <b>làng xóm</b>.</li> </ul> <p><b>* Vần am:</b> Tiến hành tương tự như dạy vần om.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS so sánh vần om và vần am:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 4 HS đọc lại bài cũ.</li> <li>- HS viết bảng con bình minh, nhà rông.</li> <li>- HS quan sát.</li> <li>- HS phân tích vần <b>om</b> gồm 2 âm ghép lại với nhau, âm o đứng trước, âm m đứng sau.</li> <li>- HS ghép vần <b>om</b> trong bộ chữ học vần.</li> <li>- HS lắng nghe GV phát âm mẫu, sau đó phát âm cá nhân.</li> <li>- HS ghép tiếng <b>xóm</b> bằng bộ học vần.</li> <li>- HS quan sát.</li> <li>- HS phân tích, đánh vần cá nhân.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- HS ghép từ khóa <b>làng xóm</b>.</li> <li>- HS quan sát.</li> <li>- HS phân tích, đọc từ khóa cá nhân.</li> <li>- HS so sánh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giống: đều kết thúc bằng âm m.</li> <li>+ Khác: vần om bắt đầu bằng âm o, vần am bắt đầu bằng âm a.</li> </ul> </li> </ul>

**c). Hướng dẫn viết vần om, am, làng xóm, rừng tràm:**

- GV hướng dẫn HS viết *om, am, làng xóm, rừng tràm* vào bảng con. GV chú ý HS điểm đặt bút, điểm dừng bút, khoảng cách giữa các âm.

- HS viết bảng con *om, am, làng xóm, rừng tràm*.



**3. Đọc từ ngữ ứng dụng:**

- GV viết các tiếng ứng dụng lên bảng: *chòm râu, đom đóm, quả tram, trái cam*.  
 - GV gọi HS đọc trơn cá nhân.  
 - GV đọc mẫu, giải thích nghĩa các từ ứng dụng.  
 - GV gọi 1 HS đọc lại toàn bài. Cả lớp đồng thanh.

- HS đọc trơn các tiếng ứng dụng cá nhân.  
 - HS lắng nghe.  
 - 1 HS đọc toàn bài. Cả lớp đồng thanh.

**TIẾT 2**

**4. Luyện tập:**

**a). Luyện đọc:**

- Luyện đọc lại các vần, tiếng, từ ứng dụng cá nhân, lớp.  
 - GV cho HS quan sát tranh và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì?  
 - GV giới thiệu và viết bảng câu ứng dụng. Chỉ và đọc mẫu câu ứng dụng.

- HS luyện đọc lại bài cá nhân, lớp.  
 - HS quan sát tranh và trả lời: Tranh vẽ cảnh trời nắng và trời mưa.  
 - HS lắng nghe.

*Mưa tháng bảy gầy cành tràm*

*Nắng tháng tám rậm trái bòng.*

- Gọi HS đọc câu ứng dụng cá nhân, lớp. GV chỉnh sửa phát âm cho HS.

- HS đọc mẫu câu ứng dụng cá nhân, lớp.

**b). Luyện viết:**

- HS luyện viết *om, am, làng xóm, rừng tràm* vào tập viết 1.

- HS luyện viết vào tập viết 1.

**c). Luyện nói:**

- GV treo tranh minh họa và giới thiệu chủ đề luyện nói *Nói lời cảm ơn*.  
 - GV đặt câu hỏi cho HS luyện nói: Tranh vẽ gì? Khi nào chúng ta nên nói lời cảm ơn?...GV chú ý chỉnh sửa cho HS nói thành câu hoàn chỉnh.

- HS quan sát, lắng nghe.

- HS trả lời câu hỏi thành câu.

**III. Củng cố - Dặn dò:**

- Cho HS đọc lại toàn bộ bài học cả lớp.  
 - Dặn HS về nhà ôn lại bài, xem trước bài 61.  
 - Nhận xét tiết học.

- HS đọc lại toàn bộ bài cả lớp.  
 - HS lắng nghe.

**ĐẠO ĐỨC (Tiết 2)**

**Bài 6: ĐI HỌC ĐỀU VÀ ĐÚNG GIỜ (GDKNS)**

Đã soạn ở Tiết 1 tuần 14.

Thứ ba, ngày 25 tháng 11 năm 2014

**TOÁN**

Bài: **LUYỆN TẬP** (trang 80)

**I. MỤC TIÊU:**

- Thực hiện được phép cộng và phép trừ trong phạm vi 9.
- Viết được phép tính thích hợp với hình vẽ.
- Làm BT 1 (cột 1, 2), BT2 (cột 1), BT3 (cột 1,3), BT4.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bảng phụ ghi đề bài tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<p><b>I. Kiểm tra bài cũ:</b></p> <p>- Gọi 2 HS đọc bảng cộng trong phạm vi 9; 2 HS đọc bảng trừ trong phạm vi 9.</p> <p>- GV nhận xét, ghi điểm.</p> <p><b>II. Giới thiệu bài mới:</b> GV giới thiệu và ghi tựa bài lên bảng.</p> <p><b>III. Luyện tập:</b></p> <p><b>* Bài 1:</b></p> <p>- GV ghi đề bài tập cột 1, 2 lên bảng, gọi HS nêu yêu cầu bài tập và yêu cầu HS làm bài vào tập.</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>+ Em có nhận xét gì về 2 phép tính <math>8+1</math> và <math>1+8</math>?</p> <p>+ Vậy ta rút ra kết luận gì?</p> <p>+ GV kết luận: trong phép cộng, vị trí các số có thể đổi chỗ cho nhau mà kết quả thì không thay đổi.</p> <p><b>* Bài 2:</b></p> <p>- GV ghi đề bài tập cột 1 lên bảng, gọi HS nêu yêu cầu bài tập và yêu cầu HS làm bài vào tập.</p>	<p>- 2 HS đọc bảng cộng, 2 HS đọc bảng trừ.</p> <p>* Bảng cộng trong phạm vi 9:</p> $\begin{array}{ll} 1+8=9 & 5+4=9 \\ 2+7=9 & 6+3=9 \\ 3+6=9 & 7+2=9 \\ 4+5=9 & 8+1=9 \end{array}$ <p>* Bảng trừ trong phạm vi 9</p> $\begin{array}{ll} 9-1=8 & 9-5=4 \\ 9-2=7 & 9-6=3 \\ 9-3=6 & 9-7=2 \\ 9-4=5 & 9-8=1 \end{array}$ <p>- HS nêu yêu cầu bài tập là <b>Tính</b> và làm bài tập.</p> <p><b>Lời giải:</b></p> $\begin{array}{ll} 8+1=9 & 7+2=9 \\ 1+8=9 & 2+7=9 \\ 9-8=1 & 9-7=2 \\ 9-1=8 & 9-2=7 \end{array}$ <p>- HS trả lời:</p> <p>+ 2 phép tính <math>8+1</math> và <math>1+8</math> đều có kết quả bằng 9.</p> <p>+ Ta rút ra kết luận: <math>8+1=1+8</math></p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập: Điền số thích hợp để có kết quả đúng</p>

<p><b>* Bài 3:</b>                      - GV ghi đề bài tập cột 1, 3 lên bảng, gọi HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài vào tập.</p> <p><b>* Bài 4:</b>                      - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập : Viết phép tính thích hợp và cho HS tự làm bài và đọc kết quả.</p> <p>* GV thu tập chấm và chữa bài cho HS.</p> <p><b>III. Dặn dò:</b>                      - Yêu cầu HS về nhà làm vào vở bài tập toán.</p>	<p>- HS làm bài</p> <p><b>Lời giải:</b>  <math>5+4=9</math>      <math>4+4=8</math>      <math>2+7=9</math></p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập: tính kết quả và so sánh hai kết quả với nhau, điền dấu <math>&gt;</math>, <math>&lt;</math>, <math>=</math> cho đúng.</p> <p>- HS làm bài.</p> <p>Lời giải:  <math>5+4=9</math>                                      <math>9-0&gt;8</math>  <math>9-2&lt;8</math>                                      <math>4+5=5+4</math></p> <p>- HS làm bài và đọc kết quả  <math>3+6=9</math> hoặc <math>6+3=9</math> hoặc <math>9-6=3</math> hoặc <math>9-3=6</math></p>
---	---

**Học vần**  
**Bài 61: ăm- âm**

**I. MỤC TIÊU:**

- Đọc được *ăm, âm, nuôi tằm, hái nấm*; từ và câu ứng dụng.
- Viết được *ăm, âm, nuôi tằm, hái nấm*.
- Luyện nói từ 2-3 câu theo chủ đề: *Thứ, ngày, tháng, năm*.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bộ ghép chữ Học vần.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<b>TIẾT 1</b>	
<p><b>I. Kiểm tra bài cũ:</b>                      - GV gọi 3 HS đọc lại bài cũ. GV nhận xét, ghi điểm cho HS.                      - Cho HS viết bảng con om, am, làng xóm, rừng tràm.</p> <p><b>II. Dạy bài mới:</b></p> <p><b>1. Giới thiệu bài:</b></p> <p><b>2. Dạy vần:</b></p> <p><b>* Vần ăm:</b></p> <p><b>a). Nhận diện vần:</b>                      - GV viết bảng vần <i>ăm</i> và nói: Đây là vần <i>ăm</i>.</p> <p><b>b). Phát âm và đánh vần tiếng:</b>                      - GV yêu cầu HS phân tích vần <i>ăm</i>.</p> <p>- GV yêu cầu HS ghép vần <i>ăm</i> trong bộ học vần.</p>	<p>- 3 HS đọc lại bài cũ.</p> <p>- HS viết bảng con om, am, làng xóm, rừng tràm.</p> <p>- HS quan sát.</p> <p>- HS phân tích vần <i>ăm</i> gồm 2 âm ghép lại với nhau, âm <i>ă</i> đứng trước, âm <i>m</i> đứng sau.</p> <p>- HS ghép vần <i>ăm</i> trong bộ chữ học vần.</p>

- GV phát âm mẫu và gọi HS phát âm vần **á - mờ - ăm - ăm**. GV chú ý chỉnh sửa phát âm cho HS.
- GV yêu cầu HS ghép tiếng **tằm**.
- GV nhận xét bài ghép của HS và viết bảng tiếng **tằm**.
- GV cho HS phân tích tiếng **tằm** và đánh vần tiếng **tằm**.
- GV đánh vần mẫu **tờ - ăm - tằm - huyền - tằm - tằm**.
- GV đưa tranh rút ra từ khóa **nuôi tằm**. Cho HS ghép từ khóa.
- GV nhận xét bài ghép của HS và viết bảng từ khóa **nuôi tằm**.
- Gọi HS phân tích và đọc từ khóa: **nuôi tằm**.
- \* **Vần âm**: Tiến hành tương tự như dạy vần ăm.
- GV cho HS so sánh vần ăm và vần âm:

**c). Hướng dẫn viết vần ăm, âm, nuôi tằm, hái nấm:**

- GV hướng dẫn HS viết **ăm, âm, nuôi tằm, hái nấm** vào bảng con. GV chú ý HS điểm đặt bút, điểm dừng bút, khoảng cách giữa các âm.

**3. Đọc từ ngữ ứng dụng:**

- GV viết các tiếng ứng dụng lên bảng: **tằm tre, đồ thắm, mầm non, đường hầm**.
- GV gọi HS đọc tron cá nhân.
- GV đọc mẫu, giải thích nghĩa các từ ứng dụng.
- GV gọi 1 HS đọc lại toàn bài. Cả lớp đồng thanh.

**TIẾT 2**

**4. Luyện tập:**

**a). Luyện đọc:**

- Luyện đọc lại các vần, tiếng, từ ứng dụng cá nhân, lớp.
- GV cho HS quan sát tranh và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì?

- GV giới thiệu và viết bảng câu ứng dụng. Chỉ và đọc mẫu câu ứng dụng.

**Con suối sau nhà rì rào chảy. Đàn dê cắm cúi gặm cỏ bên sườn đồi.**

- Gọi HS đọc câu ứng dụng cá nhân, lớp. GV chỉnh sửa phát âm cho HS.

**b). Luyện viết:**

- HS luyện viết ăm, âm, nuôi tằm, hái nấm vào tập viết

- HS lắng nghe GV phát âm mẫu, sau đó phát âm cá nhân.
- HS ghép tiếng **tằm** bằng bộ học vần.
- HS quan sát.
- HS phân tích, đánh vần cá nhân.
- HS lắng nghe.
- HS ghép từ khóa **nuôi tằm**.

- HS quan sát.

- HS phân tích, đọc từ khóa cá nhân.

- HS so sánh:

+ Giống: đều kết thúc bằng âm m.

+ Khác: vần ăm bắt đầu bằng âm ă, vần âm bắt đầu bằng âm â.

- HS viết bảng con **ăm, âm, nuôi tằm, hái nấm**.



- HS đọc tron các tiếng ứng dụng cá nhân.
- HS lắng nghe.
- 1 HS đọc toàn bài. Cả lớp đồng thanh.

- HS luyện đọc lại bài cá nhân, lớp.
- HS quan sát tranh và trả lời: Tranh vẽ cảnh đàn dê đang gặm cỏ gần bờ suối sau nhà.
- HS lắng nghe.

- HS đọc mẫu câu ứng dụng cá nhân, lớp.

- HS luyện viết vào tập viết 1.

<p>1.</p> <p><b>c). Luyện nói:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV treo tranh minh họa và giới thiệu chủ đề luyện <i>Thứ, ngày, tháng, năm.</i></li> <li>- GV đặt câu hỏi cho HS luyện nói: Tranh vẽ gì? Trong tờ lịch ghi thứ mấy? Ngày mấy? Tháng mấy? Năm? Hôm nay là thứ mấy?...GV chú ý chỉnh sửa cho HS nói thành câu hoàn chỉnh.</li> </ul> <p><b>III. Cũng cố - Dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc lại toàn bộ bài học cả lớp.</li> <li>- Dặn HS về nhà ôn lại bài, xem trước bài 62.</li> <li>- Nhận xét tiết học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát, lắng nghe.</li> <li>- HS trả lời câu hỏi thành câu.</li> <li>- HS đọc lại toàn bộ bài cả lớp.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>
---	---

Thứ tư, ngày 26 tháng 11 năm 2014

**TOÁN**

**Bài: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10**

**I. MỤC TIÊU:**

- Làm được phép tính cộng trong phạm vi 10.
- Biết viết phép tính thích hợp với tình huống trong hình vẽ.
- Làm BT1,2,3

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bộ học Toán, các mô hình phù hợp với nội dung bài học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<p><b>I. Giới thiệu bài:</b></p> <p><b>II. Dạy bài mới:</b></p> <p><b>1. Hướng dẫn HS thực hành bảng cộng trong phạm vi 10:</b></p> <p><b>a). Hướng dẫn HS thành lập phép cộng 9+1, 1+9:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đưa mô hình, nêu bài toán: Có 9 hình vuông xanh, thêm 1 hình vuông đen. Hỏi có tất cả mấy hình vuông?</li> <li>- GV gọi HS nêu lại bài toán cá nhân.</li> <li>- GV hỏi: Có tất cả mấy hình vuông?</li> <li>- GV nói: 9 thêm 1 là 10.</li> <li>- GV yêu cầu HS lấy 9 que tính, sau đó lấy thêm 1 que tính, vừa làm vừa nói: 9 thêm 1 là 10.</li> <li>- GV hỏi: Muốn biết 9 thêm 1 là 10. Vậy ta làm phép tính gì?</li> <li>- GV yêu cầu HS ghép phép tính cộng phù hợp với bài toán.</li> <li>- GV nhận xét và ghi bảng <math>9 + 1 = 10</math>. Gọi HS đọc cá nhân.</li> <li>- GV nói: với 2 số 9 và 1, chúng ta có phép tính cộng khác cũng bằng 10. Yêu cầu HS tự ghép phép tính cộng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát, lắng nghe.</li> <li>- HS nêu lại bài toán cá nhân.</li> <li>- HS trả lời: Có tất cả 10 hình vuông.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- HS thực hành trên que tính và nói: 9 thêm 1 là 10.</li> <li>- HS trả lời: ta làm phép tính cộng.</li> <li>- HS ghép phép tính cộng <math>9 + 1 = 10</math>.</li> <li>- HS đọc: <math>9 + 1 = 10</math> cá nhân.</li> <li>- HS tự ghép phép tính cộng <math>1 + 9 = 10</math>.</li> <li>- HS quan sát và đọc cá nhân.</li> </ul>